**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH 53/2013/NĐ-CP**

|  | **Nghị định 53 (đã sửa đổi, bổ sung)** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung** | **Lý do sửa đổi** |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
| **1** | **Khoản 2 Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức tín dụng). | **Khoản 2 Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Lý do, Luật Các TCTD 2024 quy định:**  - Khoản 38 Điều 4. *Tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân*.  - Khoản 1 Điều 197 quy định: *Tổ chức mua bán, xử lý nợ được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị thị trường hoặc mua bằng trái phiếu đặc biệt, được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường.*  Như vậy, theo quy định Luật các TCTD 2024, VAMC được mở rộng đối tượng mua nợ theo giá trị thị trường đối với các TCTD liên doanh, TCTD 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, cần sửa đổi,bổ sung khoản 2 Điều 2 Nghị định 53 để phù hợp với quy định này. |
| 2 | **Khoản 2 Điều 3**  2. Công ty Quản lý tài sản là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước. | **Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau**  2. Công ty Quản lý tài sản là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ và chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước. | Lý do  Sửa đổi, bổ sung khoản này để làm rõ VAMC là tổ chức mua bán, xử lý nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật các TCTD năm 2025. |
| **3** | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  2. Khách hàng vay bao gồm tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân được tổ chức tín dụng cấp tín dụng, mua trái phiếu; doanh nghiệp và tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) nhận ủy thác của tổ chức tín dụng để mua trái phiếu doanh nghiệp có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản.  3. Khách hàng vay còn tồn tại là khách hàng vay chưa bị rút giấy phép hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật (đối với tổ chức) hoặc chưa chết, mất tích (đối với cá nhân).” | **Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:**  1. Khách hàng vay bao gồm tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, mua trái phiếu; tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản.  2. Khách hàng vay còn tồn tại là khách hàng vay chưa bị rút giấy phép hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật (đối với tổ chức) hoặc chưa chết, mất tích (đối với cá nhân).” | Lý do  **T**heo quy định tại khoản 1 Điều 197 Luật các TCTD 2024, Công ty quản lý tài sản của TCTD được mở rộng đối tượng mua nợ theo giá trị thị trường đến các TCTD liên doanh, TCTD 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Khoản 1 Điều 197). Do đó, cần thay thế cụm *từ “tổ chức tín dụng”* bằng cụm từ *“tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”*để phù hợp với quy định này.  Thay cụm từ “doanh nghiệp và tổ chức” thành “tổ chức” vì tổ chức đã bao gồm doanh nghiệp |
| **4** | **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Công ty quản lý tài sản** | **Bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:**  4. Công ty quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được mua theo giá trị thị trường | Lý do  Bổ sung khoản này để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 197 Luật các TCTD: *... Tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường.* |
| **5** | **Điều 6. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho công ty quản lý tài sản**  Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả được tổ chức tín dụng tiếp tục xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.”. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:**  “Điều 6. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho công ty quản lý tài sản  Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư có hiệu quả được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.”. | Lý do  Thay cụm từ “phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả” bởi cụm từ “phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư khả thi” để phù hợp với tính hình thực tế. |
| **6** | **Điều 7. Phương thức Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng**  1. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành.  2. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị thị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt.  3. Căn cứ năng lực tài chính của Công ty Quản lý tài sản, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản được mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều này đối với các khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện sau:  a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này;  b) Được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ xấu;  c) Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có khả năng phát mại hoặc khách hàng vay có triển vọng phục hồi khả năng trả nợ.  4. Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản xây dựng phương án mua các khoản nợ xấu theo phương thức quy định tại Khoản 2 Điều này trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước khi thực hiện. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:**  1. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành.  2. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt.  3. Căn cứ năng lực tài chính của Công ty Quản lý tài sản, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản được mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều này đối với các khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện sau:  a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này;  b) Được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ xấu; | Lý do  - Thay cụm từ “tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” đảm bảo phù hợp với đối tượng được mua nợ xấu của VAMC.  - Bỏ khoản 4  Luật Luật số: 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có quy định Quyền, trách nhiệm của cơ quan đại điện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ “*Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;”* (điểm d khoản 2 Điều 42). VAMC là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do NHNN là cơ quan ra quyết định thành lập và cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với VAMC. Do vậy, theo Luât số 69 NHNN phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp.  Nội dung kế hoạch kinh doanh của VAMC bao gồm: Kế hoạch mua nợ (bằng trái phiếu đặc biệt, theo giá trị thị trường); Kế hoạch xử lý các khoản nợ đã mua (theo quy định tại điều 5 Quyết định số 195/QĐ-NHNN ngày 13/2/2023 Quy định về trình tự, thủ tục trình, phê duyệt hoặc có ý kiến về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính; giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp đối với DNNN, DN có vốn Nhà nước do NHNN quản lý)  Như vậy, Phương án mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt đã có trong kế hoạch kinh doanh hàng năm của VAMC. |
| **8** | **Khoản 1 Điều 14a.** **Phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ theo giá trị thị trường**  1. Công ty Quản lý tài sản được phát hành trái phiếu để mua nợ xấu theo giá trị thị trường trên cơ sở kế hoạch phát hành trái phiếu được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt | **Bỏ khoản 1 Điều 14a** | - Lý do  Tương tự như giải thích tại điểm 6 nêu trên |
| **9** | **Khoản 3 Điều 18. Xử lý tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu mà Công ty Quản lý tài sản đã mua**  3. Sau khi thu giữ, tiếp nhận tài sản bảo đảm từ bên giữ tài sản bảo đảm, Công ty Quản lý tài sản có quyền bán đấu giá tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà không cần sự đồng ý của bên bảo đảm. Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc bán đấu giá tài sản bảo đảm cho bên sở hữu tài sản bảo đảm không muộn hơn 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức bán đấu giá. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:**  3. Sau khi tiếp nhận tài sản bảo đảm từ bên giữ tài sản bảo đảm, Công ty Quản lý tài sản có quyền bán đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2, khoản 2a Điều này mà không cần sự đồng ý của bên bảo đảm. Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc bán đấu giá tài sản bảo đảm cho bên sở hữu tài sản bảo đảm không muộn hơn 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức bán đấu giá. | Lý do sửa đổi, bổ sung:  Nghị định 53 xây dựng quy định cho phép bên nhận bảo đảm thu giữ tài sản bảo đảm trên cơ sở quy định tại Luật Dân sự 2005 và Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD (Nghị quyết 42).  Tuy nhiên Nghị quyết 42 đã hết hiệu lực từ 01/01/2024, trong đó có Điều 7 quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm. Luật TCTD 2024 cũng không luật hóa nội dung này của Nghị quyết 42. Và Luật Dân sự 2015 thay thế Luật Dân sự 2005 không quy định về việc bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm mà chỉ quy định về việc bàn giao, xử lý tài sản bảo đảm. Do vậy, các nội dung liên quan đến thu giữ tài sản bảo đảm không còn phù hợp với quy định pháp luật. |
| **10** | **Khoản 3 Điều 19**  3. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau:**  **3.** Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. | - Lý do quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán đã được quy định chi tiết tại theo Điều 199 Luật Các TCTD 2024. Quy định này tại Luật Các TCTD 2024 đã có sự rà soát với Bộ Luật Dân sự và các quy định liên quan do vậy đảm bảo tính bao quát và đầy đủ hơn so với quy định của Bộ Luật dân sự. |
| 11 | **Điều 20. Trái phiếu đặc biệt**  2. Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu đặc biệt theo Phương án phát hành đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. | **Bở khoản 2 Điều 20** | - Lý do  Tương tự như giải thích tại điểm 6 nêu trên |
| 12 | **Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài chính và Điều 28b. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và đầu tư**  **Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  1. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty Quản lý tài sản.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn hạch toán kế toán của Công ty Quản lý tài sản.  3. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thuế các cấp hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khi chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm cho người mua.  **Điều 28b. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**  Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo, hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới cho người mua hoặc người trúng đấu giá tài sản trên đất của dự án đầu tư (người mua tài sản bảo đảm) là tài sản bảo đảm bị xử lý của khoản nợ của Công ty Quản lý tài sản. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:**  Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài chính  1. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty Quản lý tài sản.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn hạch toán kế toán của Công ty Quản lý tài sản.  3. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thuế các cấp hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khi chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm cho người mua.  4. Chỉ đạo, hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới cho người mua hoặc người trúng đấu giá tài sản trên đất của dự án đầu tư (người mua tài sản bảo đảm) là tài sản bảo đảm bị xử lý của khoản nợ của Công ty Quản lý tài sản.  **Hủy bỏ Điều 28b** | Lý do  Bộ Kế hoạch và đầu tư sáp nhập vào Bộ Tài chính do vậy, trác nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuyển sang Bộ Tài chính. |
| **13** | **Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội** | **Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ** | Lý do  Bộ Lao động thương bình và xã hội sáp nhập vào Bộ Nội vụ |
| **14** |  | **Bổ sung Điều 34a sau Điều 34 như sau**  **“Điều 34a. Quy định chuyển tiếp**  Đối với trường hợp Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã, đang thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là dự án bất động sản theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Nghị quyết số 42/2017/QH14) hoặc đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành mà chưa xử lý xong thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi xử lý xong.” | Để đảm bảo phù hợp với điều khoản chuyển tiếp của Luật các TCTD năm 2025 |
| **15** | **Điều 35. Điều khoản thi hành**  Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. | **Điều 35. Điều khoản thi hành**  Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công ty Quản lý tài sản; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. | Lý do:  - Sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” cho phù hợp với khoản 1 Điều 197 Luật Các TCTD 2024.  Bỏ cụm từ *“Chủ tịch Hội đồng quản trị”*, “Chủ tịch Hội đồng thành viên” và “Tổng giám đốc (Giám đốc)” để đảm bảo phù hợp với quy định về đối tượng áp dụng của Nghị định 53. |
| **16** | **Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 12; các khoản 2, 3, 6 Điều 14; khoản 4 Điều 14a; khoản 4 Điều 17; các khoản 5, 7 Điều 25; khoản 3 và tiêu đề Điều 31; các khoản 1, 6 Điều 32; khoản 5 Điều 33.**  *Cụ thể nội dung quy định bên dưới.* | **Thay thế cụm từ “tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 12; các khoản 2, 3, 6 Điều 14; khoản 4 Điều 14a; khoản 4 Điều 17; các khoản 5, 7 Điều 25; khoản 3 và tiêu đề Điều 31; các khoản 1, 6 Điều 32; khoản 5 Điều 33.**  *Cụ thể sửa đổi chi tiết tại nội dung bên dưới.* | Lý do **t**heo quy định tại khoản 1 Điều 197 Luật các TCTD 2024, Công ty quản lý tài sản của TCTD được mở rộng đối tượng mua nợ theo giá trị thị trường đến các TCTD liên doanh, TCTD 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Khoản 1 Điều 197). Do đó, cần thay thế cụm *từ “tổ chức tín dụng”* bằng cụm từ *“tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”*để phù hợp với quy định này. |
| **17** | Khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 12; khoản 5 Điều 14; khoản 7 Điều 16.  *Cụ thể nội dung quy định bên dưới.* | Thay cụm từ “tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “tổ chức tín dụng Việt Nam” tại khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 12; khoản 5 Điều 14; khoản 7 Điều 16.  *Cụ thể nội dung quy định bên dưới.* |  |
| **18** | Điều 28 và khoản 3 Điều 30 | Thay thế cụm từ “tài nguyên và môi trường” bằng cụm từ “nông nghiệp và môi trường” tại Điều 28 và khoản 3 Điều 30 | Lý do  Để đảm bảo phù hợp với tên gọi hiện nay |
| **19** | khoản 5 Điều 16; khoản 1, 1a và 1b Điều 30  *Cụ thể nội dung quy định bên dưới.* | Bỏ cụm từ “thu giữ” tại khoản 5 Điều 16; khoản 1, 1a và 1b Điều 30  *Cụ thể nội dung quy định bên dưới.* | Lý do: Nghị quyết 42 hết hiệu lực thi hành và Luật các TCTD năm 2024 cũng không luật hóa về vấn đề thu giữ tài sản. |
|  | **Nội dung cụ thể của điểm 16, 17, 18, 19 nêu trên như sau** | |  |
| **a** | **Khoản 1,3 Điều 8**  1. Công ty Quản lý tài sản mua các khoản nợ xấu có đủ các điều kiện sau đây:  a) Khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, bao gồm nợ xấu trong các hoạt động cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác cấp tín dụng và hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;  b) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm;  c) Khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm phải hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ;  d) Khách hàng vay còn tồn tại;  đ) Số dư của khoản nợ xấu hoặc dư nợ xấu của khách hàng vay không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.  3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc Công ty Quản lý tài sản mua lại các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:**  1. Công ty Quản lý tài sản mua các khoản nợ xấu có đủ các điều kiện sau đây:  a) Khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm nợ xấu trong các hoạt động cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác cấp tín dụng và hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;  b) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm;  c) Khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm phải hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ;  d) Khách hàng vay còn tồn tại;  đ) Số dư của khoản nợ xấu hoặc dư nợ xấu của khách hàng vay không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.  3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc Công ty Quản lý tài sản mua lại các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng Việt Nam không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. |  |
| **b** | **Khoản 1, 2 Điều 12. Hoạt động của Công ty Quản lý tài sản**  1. Công ty Quản lý tài sản được thực hiện các hoạt động sau đây:  a) Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng;  b) Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;  c) Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;  d) Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;  đ) Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;  e) Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;  g) Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;  h) Tổ chức bán đấu giá tài sản;  i) Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng;  k) Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty Quản lý tài sản sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.  2. Công ty Quản lý tài sản được ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động được quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1,2 Điều 12 như sau:**  1. Công ty Quản lý tài sản được thực hiện các hoạt động sau đây:  a) Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;  c) Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;  d) Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;  đ) Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;  e) Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;  g) Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;  h) Tổ chức bán đấu giá tài sản;  i) Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  k) Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty Quản lý tài sản sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.  2. Công ty Quản lý tài sản được ủy quyền cho tổ chức tín dụng Việt nam bán nợ thực hiện các hoạt động được quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này. |  |
| c | Khoản 2, 3, 5, 6 Điều 14  2. Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị thị trường trên cơ sở thỏa thuận và giá trị khoản nợ xấu được đánh giá lại.  Tổ chức tín dụng được phân bổ dần vào chi phí hoạt động phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ trừ đi giá trị mua bán của khoản nợ được mua theo giá trị thị trường và giá trị khoản dự phòng rủi ro đã trích cho chính khoản nợ được mua bán theo nguyên tắc sau đây:  a) Đối tượng được phân bổ là tổ chức tín dụng bị lỗ hoặc khi thực hiện việc phân bổ ngay phần chênh lệch này sẽ dẫn đến bị lỗ;  b) Việc phân bổ được thực hiện trong thời hạn tối đa không quá 05 (năm) năm từ thời điểm bán nợ. Số tiền phân bổ hàng năm không được thấp hơn chênh lệch thu chi (chưa bao gồm số tiền phân bổ).  Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc phân bổ này.  3. Tổ chức tín dụng bán nợ phải cung cấp cho Công ty Quản lý tài sản các thông tin, tài liệu về số dư nợ gốc và toàn bộ số lãi phải trả khách hàng vay chưa thanh toán.  5. Tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu từ 3% trở lên hoặc một tỷ lệ nợ xấu khác do Ngân hàng Nhà nước quy định không bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản được Ngân hàng Nhà nước xem xét, áp dụng các biện pháp sau đây:  a) Tiến hành thanh tra hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng thuê công ty kiểm toán hoặc tổ chức định giá độc lập đánh giá lại chất lượng và giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của tổ chức tín dụng đó; chi phí kiểm toán, định giá do tổ chức tín dụng thanh toán;  b) Trên cơ sở kết quả thanh tra, định giá và kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng phải bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản để đảm bảo tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng ở mức an toàn; thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; cơ cấu lại tổ chức tín dụng theo phương án được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  6. Việc mua bán nợ xấu được lập thành hợp đồng và tổ chức tín dụng bán nợ phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán nợ để biết và thực hiện nghĩa vụ với Công ty Quản lý tài sản. | Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 5, 6 Điều 14  2. Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường trên cơ sở thỏa thuận và giá trị khoản nợ xấu được đánh giá lại.  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phân bổ dần vào chi phí hoạt động phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ trừ đi giá trị mua bán của khoản nợ được mua theo giá trị thị trường và giá trị khoản dự phòng rủi ro đã trích cho chính khoản nợ được mua bán theo nguyên tắc sau đây:  a) Đối tượng được phân bổ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị lỗ hoặc khi thực hiện việc phân bổ ngay phần chênh lệch này sẽ dẫn đến bị lỗ;  b) Việc phân bổ được thực hiện trong thời hạn tối đa không quá 05 (năm) năm từ thời điểm bán nợ. Số tiền phân bổ hàng năm không được thấp hơn chênh lệch thu chi (chưa bao gồm số tiền phân bổ).  Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc phân bổ này.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ phải cung cấp cho Công ty Quản lý tài sản các thông tin, tài liệu về số dư nợ gốc và toàn bộ số lãi phải trả khách hàng vay chưa thanh toán.  5. Tổ chức tín dụng Việt Nam có tỷ lệ nợ xấu từ 3% trở lên hoặc một tỷ lệ nợ xấu khác do Ngân hàng Nhà nước quy định không bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản được Ngân hàng Nhà nước xem xét, áp dụng các biện pháp sau đây:  a) Tiến hành thanh tra hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng thuê công ty kiểm toán hoặc tổ chức định giá độc lập đánh giá lại chất lượng và giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của tổ chức tín dụng đó; chi phí kiểm toán, định giá do tổ chức tín dụng thanh toán;  b) Trên cơ sở kết quả thanh tra, định giá và kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng phải bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản để đảm bảo tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng ở mức an toàn; thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; cơ cấu lại tổ chức tín dụng theo phương án được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  6. Việc mua bán nợ xấu được lập thành hợp đồng và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán nợ để biết và thực hiện nghĩa vụ với Công ty Quản lý tài sản. |  |
| **d** | **Khoản 4 Điều 14a.**  4. Trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản do tổ chức tín dụng nắm giữ được sử dụng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở và tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14a như sau:**  4. Trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nắm giữ được sử dụng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở và tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước. |  |
| **đ** | Khoản 5,7 Điều 16:  5. Thu nợ bằng nhận chính tài sản bảo đảm của khoản nợ; thu hồi, thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.  7. Khởi kiện hoặc ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm ra Tòa án; ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản trong thi hành án. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 như sau:**  5. Thu nợ bằng nhận chính tài sản bảo đảm của khoản nợ; thu hồi và xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.  7. Khởi kiện hoặc ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm ra Tòa án; ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản trong thi hành án. |  |
| **e** | **Khoản 4 Điều 17. Biện pháp cơ cấu lại nợ xấu, hỗ trợ khách hàng vay của Công ty Quản lý tài sản**  4. Công ty Quản lý tài sản thực hiện bảo lãnh cho khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng trong trường hợp đánh giá khách hàng có khả năng phục hồi tốt hoặc có dự án mới có hiệu quả đảm bảo trả được nợ vay. | **Khoản 4 Điều 17.**  4. Công ty Quản lý tài sản thực hiện bảo lãnh cho khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp đánh giá khách hàng có khả năng phục hồi tốt hoặc có dự án mới có hiệu quả đảm bảo trả được nợ vay. |  |
| **g** | **Khoản 5, 7 Điều 25. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước**  5. Quản lý nhà nước, giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, Công ty Quản lý tài sản trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về mua, bán và xử lý nợ xấu.  …  7. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng và Công ty Quản lý tài sản về nghiệp vụ mua, bán và xử lý nợ xấu. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 5, 7 Điều 25 như sau:**  5. Quản lý nhà nước, giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty Quản lý tài sản trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về mua, bán và xử lý nợ xấu.  …  7. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản về nghiệp vụ mua, bán và xử lý nợ xấu. |  |
| **h** | **Khoản 1,1a,1b,3 Điều 30**  1. Ủy ban nhân dân, cơ quan công an các cấp nơi tiến hành thu hồi; thu giữ tài sản bảo đảm tham gia thu hồi, thu giữ, kiểm kê tài sản bảo đảm và áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo thực hiện quyền của Công ty Quản lý tài sản trong việc thu hồi, thu giữ tài sản bảo đảm.  1a. Bộ Công an chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan công an các cấp trong phạm vi quản lý của mình bảo đảm an ninh, trật tự tại nơi tiến hành thu hồi, thu giữ tài sản bảo đảm.  1b. Khi có đề nghị của Công ty Quản lý tài sản, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản thực hiện việc thu giữ, thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm.  3. Ủy ban nhân dân, cơ quan tài nguyên và môi trường, cơ quan có liên quan ở các cấp phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 1a,1b, 3 Điều 30 như sau:**  1. Ủy ban nhân dân, cơ quan công an các cấp nơi tiến hành thu hồi tài sản bảo đảm tham gia thu hồi, thu giữ, kiểm kê tài sản bảo đảm và áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo thực hiện quyền của Công ty Quản lý tài sản trong việc thu hồi, thu giữ tài sản bảo đảm.  1a. Bộ Công an chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan công an các cấp trong phạm vi quản lý của mình bảo đảm an ninh, trật tự tại nơi tiến hành thu hồi tài sản bảo đảm.  1b. Khi có đề nghị của Công ty Quản lý tài sản, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Công ty Quản lý tài sản thực hiện việc thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm.  3. Ủy ban nhân dân, cơ quan nông nghiệp và môi trường, cơ quan có liên quan ở các cấp phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản. |  |
| **i** | **Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**  3. Tổ chức tín dụng bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm:  a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Công ty Quản lý tài sản các thông tin, tài liệu về khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm, khoản nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ đã bán cho Công ty Quản lý tài sản; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu;  b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Công ty Quản lý tài sản và khách hàng vay để hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý tài sản;  c) Xem xét, cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản theo thỏa thuận và quy định của pháp luật. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và tiêu đề Điều 31 như sau:**  **Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  **…**  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm:  a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Công ty Quản lý tài sản các thông tin, tài liệu về khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm, khoản nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ đã bán cho Công ty Quản lý tài sản; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu;  b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Công ty Quản lý tài sản và khách hàng vay để hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý tài sản;  c) Xem xét, cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản theo thỏa thuận và quy định của pháp luật. |  |
| **k** | **Khoản 1,6 Điều 32. Trách nhiệm của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ**  1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với tổ chức tín dụng và Công ty Quản lý tài sản theo cam kết và quy định của pháp luật.  6. Chấp nhận việc mua bán nợ giữa tổ chức tín dụng và Công ty Quản lý tài sản. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1,6 Điều 32 như sau:**  1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản theo cam kết và quy định của pháp luật.  6. Chấp nhận việc mua bán nợ giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản. |  |
| **l** | **Điều 33. Trách nhiệm của bên bảo đảm**  5. Chấp nhận việc mua bán nợ giữa tổ chức tín dụng và Công ty Quản lý tài sản. | Sửa đổi, bổ sung **khoản 5 Điều 33** như sau:  5. Chấp nhận việc mua bán nợ giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Công ty Quản lý tài sản. |  |
|  |  |  |  |